|  |
| --- |



**TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI**

**TÀI LIỆU MÔ TẢ YÊU CẦU**

**THAY ĐỔI NÂNG CẤP**

**Mã hiệu dự án:**

**Mã hiệu tài liệu:**

**Hà nội, 11/2021**

# GIỚI THIỆU

## Mục đích tài liệu

* Mô tả chi tiết các chức năng cần chỉnh sửa thuộc yêu cầu 3981271\_PYC nâng cấp hệ thống QLCTKT\_GNOC\_Vsmart\_TT

## Phạm vi tài liệu

* Về mặt quy trình: Mô tả nghiệp vụ người dùng, phân tích yêu cầu hệ thống, màn hình prototype.
* Về mặt nội dung: Mô tả các chức năng sửa đổi

## Định nghĩa thuật ngữ và các từ viết tắt

| **Thuật ngữ** | **Định nghĩa** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

***Bảng : Thuật ngữ và định nghĩa***

## Tài liệu tham khảo

| Tên tài liệu | Ngày phát hành | Nguồn | Ghi chú |
| --- | --- | --- | --- |
| N/A |  |  |  |

# MÔ TẢ CHỨC NĂNG HỆ THỐNG

| **TT** | **Mã màn hình** | **Tên màn hình** | **Module** |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

#### Chức năng ticket trên Vsmart

* **Nhận diện : Loại công việc DVCD**

##### **Thay đổi về CSDL**

* Tạo mới bảng GROUP\_TASK\_TICKET : Lưu thông tin công việc và danh sách ticket đã tạo với thời gian tạo và phản hồi hệ thống GNOC\_TT

| **STT** | **Tên** | **Loại dữ liệu** | **Bắt buộc** | **Độ dài tối đa** | **Khởi tạo/Chuẩn bị dữ liệu** | **Miêu tả** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | ID | BIGINT | X |  |  | Khoá chính tự tăng |
| 2 | TASK\_ID | Text | X |  |  | ID task công việc |
| 3 | TROUBLE \_ID | Text | X |  |  | ID ticket |
| 4 | TROUBLE\_CODE | Text | X |  |  | Mã ticket |
| 5 | CAUSE | NVARCHAR |  |  |  | Nguyên nhân |
| 6 | SOLUTION | NVARCHAR |  |  |  | Giải pháp |
| 7 | STATE | Int |  |  |  | Trạng thái ticket |
| 8 | STATE\_NAME | NVARCHAR |  |  |  | Tên trạng thái |
| 9 | CREATE\_DATE | DATETIME |  |  |  | Thời gian tạo ticket |
| 10 | REPONSE\_DATE | DATETIME |  |  |  | Thời gian phản hồi GNOC\_TT |
| 11 | IS\_VTNET | Int |  |  |  | Ticket tạo về hệ VTNET 0 – CTTT\_VTT , 1 – VTNET |

##### **Thiết kế giao diện**

Nút tạo ticket trong màn hình công việc:

Chỉ áp dụng với. mảng phát triển mới DVCD. -> tất cả các loại hình công việc

|  | **Màn hình chi tiết công việc:**  Bổ sung hiển thị thông tin ticket:  + Điều kiện hiển thị “Thông tin ticket” : Không hiển thị với công việc có trạng khác 0 (bắt đầu),1( giao tổ đội),2( chuyển nhân viên)  + Hiển thị thông tin ticket phía dưới trường “Ghi chú đấu nối”.  + Thông tin ticket hiển thị: Lấy thông tin ticket mới nhất để hiển thi.  + Hiển thị thông tin ticket: Dạng link button click mở màn hình Chi tiết của Trouble Ticket . Nội dung hiển thị theo format XXX – YYYY – ZZZZ  Trong đó :  XXX : Là mã ticket mới nhất YYY : Trạng thái của ticket mới nhất ZZZ : Giải pháp ticket mới nhất  + Xem lịch sử: Link button.Hiển thị khi có dữ liệu ticket đã được tạo. Ấn vào “xem lịch sử” : Ra màn hình lịch sử ticket gắn với công việc lựa chọn. Chỉ hiển thị khi có dữ liệu ticket được tạo với công việc  + Nút tạo ticket hiển thị khi : chưa có ticket hoặc tiket có trạng thái ( state) khác Đóng (10) , Đóng chưa có KEDB (11). Click mở màn hình tạo ticket |
| --- | --- |
|  | Tại màn chi tiết công việc FT ấn vào tạo ticket:  + Tạo hỗ trợ về CNTT-VTT tạo ticket về BCCS.CC, mặc định chọn  + Tạo hỗ trợ về VTNET: tạo ticket về GNOC.TT  + Mô tả: textbox, giới hạn 1000 kí tự. hiển thị gợi ý nhập “FT tiền xử lý , Ft cần hỗ trợ.”  + Ảnh lỗi: upload filetype ảnh: (.jpg, .png ). Tối đa 3 ảnh và mỗi ảnh tối đa 1MB  + Cập nhật: Thực hiện luồng tạo ticket, chi tiết mục 2.1.3.2  + Huỷ: quay lại màn hình “Thông tin chi tiết công việc”  => Lưu ý : có thể nhấn vào text tạo hỗ trợ về CTTT- VTT hoặc Tạo hỗ trợ về VTNET để chuyển trạng thái  - Các thông tin gửi GNOC : Thông tin cấu hình gợi ý cấu hình trên bảng cat\_config\_management   1. Tên sự cố: Lấy theo Tên công việc 2. Quốc gia: Lấy theo cấu hình , giá trị cấu hình :  * config\_managerment\_code = “LOCATION\_CODE\_TT” * config\_managerment\_value = “VN”  1. Mô tả lỗi: Nội dung theo formart   Mã lỗi – Nội dung FT nhập – Số điện thoại FT   * Mã lỗi : Mã lỗi trả về trên hệ thống * Nội dung FT nhập: bao gồm FT tiền xử lý, FT cần hỗ trợ * Số điên thoại FT : lấy theo số điện thoại user  1. Mã WO: Theo cấu hình  * Mảng sự cố: Lấy theo giá trị cấu hình Giá trị cấu hình : Mã sự cố   (Lỗi từ WO: 4.Fixed Broadband)  , giá trị cấu hình :   * config\_managerment\_code = “TYPE\_CODE\_TT” * config\_managerment\_value = “Mobile\_Core” ( thay đổi theo giá trị code muốn cấu hình )  1. Loại node mạng: Theo cấu hình . Mã node mạng.   giá trị cấu hình :   * config\_managerment\_code = “SUB\_CATEGORY\_CODE\_TT” * config\_managerment\_value = “Node\_Type\_Mobile\_CS” ( thay đổi theo giá trị code muốn cấu hình )  1. Đơn vị xử lý: Theo cấu hình, Chuỗi các mã đơn vị xử lý.   Giá trị cấu hình :   * config\_managerment\_code = “RECEIVE\_UNIT\_CODE\_TT” * config\_managerment\_value = “Mã đơn vị xử lý trên GNOC” ( thay đổi theo giá trị code muốn cấu hình )  1. Hình ảnh: Hình ảnh FT tải lên 2. Nhóm sự cố:Theo cấu hình. Mã nhóm sự cố .   Giá trị cấu hình :   * config\_managerment\_code = “ALARM\_GROUP\_ CODE\_TT” * config\_managerment\_value = “Mã nhóm sự cố” ( thay đổi theo giá trị code muốn cấu hình )  1. Mã mức độ ưu tiên:Theo cấu hình. Giá trị cấu hình :  * config\_managerment\_code = “PRIORITY\_CODE\_TT” * config\_managerment\_value = “Mã mức độ ưu tiên” ( thay đổi theo giá trị code muốn cấu hình ) |
|  | Bổ sung màn Lịch sử ticket, luôn hiển thị 4 trường sau nếu có ticket:  + Mã ticket:  + Trạng thái:  + Nguyên nhân  + Giải pháp  Khi ấn vào dấu “...” sẽ show tất cả thông tin như màn hình “Chi tiết Trouble Ticket” như sau: |
|  |  |

##### **Mô tả luồng nghiệp vụ**

##### **Luồng hiển thị thông tin ticket**

Tại màn hình “Quản lý công việc” -> “Phát triển mới DVCD”

* + **Bước 1:** FT nhấn một công việc có trạng khác 0 (bắt đầu),1( giao tổ đội),2( chuyển nhân viên)
  + **Bước 2:** Hệ thống lấy thông tin ticket mới nhất trên bảng GROUP\_TASK\_TICKET trả về client hiển thị “Thông tin ticket” trên tab “Chi tiết”

##### **Luồng tạo ticket**

* Tại màn hình “Thông tin triển khai dịch vụ” -> tab “Chi tiết”
  + **Bước 1:** FT ấn vào Tạo Ticket trên màn hình chi tiết công việc
  + **Bước 2:** Màn thông tin ticket FT chọn nơi mà ticket được gửi đến, mô tả lỗi và up ảnh lỗi
  + **Bước 3:** FT nhấn “Cập nhật” . Hệ thống thực hiện :
    - Lấy các thông tin quốc gia,mã wo, loại node mạng,đơn vị xử lý, nhóm sự cố, mức độ ưu tiên từ bảng đã cấu hình .
    - Lưu thông tin tạo ticket vào bảng GROUP\_TASK\_TICKET
    - Kiểm tra tạo ticket về hệ thống nào :
      * Tạo về CTTT\_VT: Thực hiện gọi hàm gửi hệ thống BCCS.CC tạo ticket , chi tiết mục 2.1.4.2.1
      * Tạo về VTNET : Thực hiện gọi hàm gửi hệ thống GNOC.TT tạo ticket, chi tiết mục 2.1.4.1.1

##### **Luồng xem chi tiết ticket**

* Tại màn hình “Thông tin triển khai dịch vụ” -> tab “Chi tiết” -> có hiển thị thông tin ticket
  + **Bước 1:** FT ấn vào link mã ticket
  + **Bước 2:** Hệ thống kiểm ticket tạo về hệ thống nào gọi hàm lấy thông tin chi tiết tương ứng
    - Tạo về CTTT\_VT (GROUP\_TASK\_TICKET .IS\_VTNET =0) : Thực hiện gọi hàm lấy thông tin chi tiết ticket , chi tiết hàm mục 2.1.4.2.2
    - Tạo về VTNET (GROUP\_TASK\_TICKET .IS\_VTNET =1) : thực hiện gọi hàm lấy thông tin chi tiết ticket , chi tiết hàm mục 2.1.4.1.2

Hiển thị màn hình chi tiết ticket.

##### **Luồng xem lịch sử**

* Tại màn hình “Thông tin triển khai dịch vụ” -> tab “Chi tiết” -> có hiển thị thông tin ticket
  + **Bước 1:** FT ấn vào link “Lịch sử ticket”
  + **Bước 2:** Hệ thống lấy danh sách ticket được tạo theo task\_id công việc trên bảng GROUP\_TASK\_TICKET , Được sắp xếp theo ngày tạo ticket mới nhất
  + **Bước 3 :** Từ danh sách ticket lấy bước 2 , tiến hành lấy thông tin chi tiết từng ticket theo GROUP\_TASK\_TICKET.TROUBLE \_ID và theo hệ thống tạo ticket
    - Tạo về CTTT\_VT (GROUP\_TASK\_TICKET .IS\_VTNET =0) : Thực hiện gọi hàm lấy thông tin chi tiết ticket , chi tiết hàm mục 2.1.4.2.2
    - Tạo về VTNET (GROUP\_TASK\_TICKET .IS\_VTNET =1) : thực hiện gọi hàm lấy thông tin chi tiết ticket , chi tiết hàm mục 2.1.4.1.2
  + **Bước 4** : Tổng hợp danh sách thông tin chi tiết ticket -> hiển thị màn hình “Lịch sử ticket”

##### **Luồng VTNET(GNOC\_TT) cập nhật hoàn thành ticket**

* Trên hệ thống VTNET khi ticket hoàn thành -> hệ thống call sang Vsmart hàm “updateStateTicket” cập nhật trạng thái ticket , chi tiết hàm mục 2.1.4.3.1

##### **Mô tả danh sách API sử dụng**

##### **GNOC.TT**

##### **API tạo ticket**

* URL: <http://10.240.202.199:8100/GnocTTOutsideServices/TroublesServiceForVSmart>
* Method :

<soapenv:Envelope xmlns:soapenv="http://schemas.xmlsoap.org/soap/envelope/" xmlns:ser="http://service.incident.gnoc.viettel.com/">

  <soapenv:Header/>

   <soapenv:Body>

      <ser:insertTroubleFromOtherSystem>

         <troublesDTO>

            <troubleName>TEST TẠO TICKET TỪ HỆ THỐNG NGOÀI</troubleName>

            <description>TEST TẠO TICKET TỪ HỆ THỐNG NGOÀI</description

            <locationCode>VN</locationCode>

            <typeCode>Mobile\_Core</typeCode>

            <alarmGroupCode>Mobile\_Core\_CS</alarmGroupCode>

            <subCategoryCode>Node\_Type\_Mobile\_CS</subCategoryCode>

            <countryCode>NOC</countryCode>

            <priorityCode>TT\_Major</priorityCode>

            <receiveUnitCode>FODD\_ĐHML\_VHKTTC\_VTNET\_MHM</receiveUnitCode>

            <state>3</state>

            <impactCode>No</impactCode>

            <createUserName>system</createUserName>

            <insertSource>codien</insertSource>

         </troublesDTO>

         <listAccount></listAccount>

      </ser:insertTroubleFromOtherSystem>

   </soapenv:Body>

</soapenv:Envelope>

##### **API lấy thông tin chi tiết ticket theo danh sách id ticket**

* URL: <http://10.240.202.199:8100/GnocTTOutsideServices/TroublesServiceForVSmart>
* Method :

<soapenv:Envelope xmlns:soapenv="http://schemas.xmlsoap.org/soap/envelope/" xmlns:ser="http://service.incident.gnoc.viettel.com/">

<soapenv:Header/>

<soapenv:Body>

<ser:getDataJSon>

<requestInputBO>

<code>GET\_TROUBLE\_DETAIL\_FOR\_VSMART</code>

<params>

<name>troubleId</name>

<type>STRING</type>

<separator>,</separator>

<value>174426,174427</value>

</params>

</requestInputBO>

</ser:getDataJSon>

</soapenv:Body>

</soapenv:Envelope>

* **Luồng xử lý luồng sự kiện tương tác**
  + Bước 1 : VSmart gọi API truyền tham số request
  + Bước 2 : Từ danh sách trả về thực hiện đồng bộ trạng thái ticket (Status, statusText) về bảng GROUP\_TASK\_TICKET.STATE , GROUP\_TASK\_TICKET.STATE\_NAME theo TROUBLE\_ID
  + Bước 3 : Thực hiện trả dữ liệu về client hiển thị chi tiết ticket

##### **Phía BCCS.CC**

##### **API tạo ticket createProblemForOthersSystem ( chuyển souce từ vsmart-legacy về source vsmart) :**

| **Tham số** | **ý nghĩa** | **Kiểu dữ liệu** |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin request:** |  |  |
| isdn |  | String |
| problemContent |  | String |
| complainerAddress |  | String |
| complainerPhone |  | String |
| complainerEmail |  | String |
| customerText |  | String |
| serial |  | String |
| errorCode |  | String |
| userotherSystem |  | String |
| probPriorityId |  | Long |
| parentGroupId |  | Long |
| probGroupId |  | Long |
| probTypeId |  | Long |
| userAccept |  | String |
| shopAcceptId |  | Long |
| probChannelId |  | Long |
| probAcceptTypeId |  | Long |
| file1 |  | MultipartFile |
| File2 |  | MultipartFile |
| File3 |  | MultipartFile |
| **Thông tin response:** |  |  |
| login |  | String |
| errorCode |  | String |
| errorMsg |  | String |
| infoMsg |  | String |

* **Luồng xử lý luồng sự kiện tương tác**
  + Bước 1 : VSmart gọi API tạo ticket về BCCS.CC
  + Bước 2 : Hệ thống lấy mã lỗi trong trường “group\_task\_staff\_management.ERROR\_CODE\_DEVICE” tiến hành kiểm tra trên bảng cat\_device\_code\_error và gán giá trị parentGroupId, probGroupId, probTypeId : (trường hợp không có giá trị ERROR\_CODE\_DEVICE mặc định gọi về 1789N2)

| **Kiểm tra** | **Cấp nhóm parentGroupId** | **Cấp thể loại**  **probGroupId** | **Cấp loại**  **probTypeId** |
| --- | --- | --- | --- |
| Mã lỗi không được cấu hình trong bảng | 1789 N2\_CNTT : ID=1002370 | Vsmart : ID=1002390 | - Hiện tại đang có 9 loại này trên CC :  - Đấu nối tổng đài : 1005165  - Đổi thiết bị : 1005181  - Khác\_ VSmart : 1005182  - Lỗi đăng nhập :1005164  - Nghiệm thu  : 1005180  - Thay đổi địa chỉ lắp đặt :  1005167  - Thu hồi hàng hóa rút dây  :1005168  - Vsmart\_Hỗ trợ các phát sinh ngoài quy trình  : 1005183  - Xử lý sự cố : 1005166 |
| Mã lỗi được cấu hình trong bảng | HTK\_Lỗi hệ thống CNTT : ID=52090 | Vsmart  : ID=52093 | - Cau hinh ID loai PA CC2, cv TK TDDCLD  : 1000181  - Cau hinh ID loai PA CC2, cv TK TDDCLD   : 1000181  - Cau hinh ID loai PA  CC2, Tool doi thiet bi UCTT  : 54272  - Cau hinh ID loai PA  CC2, Tool doi thiet bi BH : 54272  - Cau hinh ID loai PA  CC2, Tool doi thiet bi  :54272  - Cau hinh ID loai PA CC2, cv Dau noi : 1000180  - Cau hinh ID loai PA CC2, cv TK moi  : 1000150  - Cau hinh ID loai PA  CC2, cv TK TDDCLD : 54273  - Cau hinh ID loai PA  CC2, Tool doi port : 54273 |

* + Bước 3 : Thực hiện gửi thông tin về BCCS.CC

##### **API lấy thông tin chi tiết ticket getProblemsForOthersSystem ( chuyển souce từ vsmart-legacy về source vsmart) :**

| **Tham số** | **ý nghĩa** | **Kiểu dữ liệu** |
| --- | --- | --- |
| **Thông tin request:** |  |  |
| userName |  | String |
| problemId |  | Long |
| isdn |  | String |
| errorCode |  | String |
| problemStatus |  | Long |
| fromDate |  | String |
| toDate |  | String |
| token |  | String |
| source |  | String |
| **Thông tin output** |  |  |
| Login |  | String |
| errorCode |  | String |
| errorMsg |  | String |
| description |  | String |
| **problemDTO** |  |  |
| agentNote |  | String |
| areaCode |  | String |
| arise |  | String |
| asVip |  | Boolean |
| assignStatus |  | String |
| callChannelId |  | Long |
| causeId |  | Long |
| causeLV1 |  | Long |
| causeLV2 |  | Long |
| causeLV3 |  | Long |
| cellId |  | Long |
| changeCusFreeTimePeriod |  | Boolean |
| channelType |  | Long |
| close |  | Boolean |
| comQuantity |  | Long |
| complainerAddress |  | String |
| complainerEmail |  | String |
| complainerIdNo |  | String |
| complainerName |  | String |
| complainerPhone |  | String |
| contactNumber |  | String |
| cooperateStatus |  | Long |
| cooperateType |  | Long |
| cooperationEndDate |  | Datetime |
| cooperationExpDate |  | Datetime |
| createDate |  | Datetime |
| cusFreeTimePeriod |  | Datetime |
| custAppointDate |  | Datetime |
| custId |  | Long |
| custLimitDate |  | DateTime |
| custLimitDateBeforeCP |  | DateTime |
| custName |  | String |
| customerText |  | String |
| customerTimeDesireFrom |  | String |
| customerTimeDesireTo |  | String |
| delProblem |  | Boolean |
| district |  | String |
| downloadSpeed |  | String |
| duplicateId |  | Long |
| endDate |  | Datetime |
| endUser |  | String |
| errorAlertDetail |  | String |
| errorAlertId |  | Long |
| errorCode |  | String |
| forMVT |  | Boolean |
| includeCall |  | Boolean |
| inputSerial |  | Boolean |
| isArise |  | Boolean |
| isCloseSpm |  | Boolean |
| isNotPassQuantity |  | Boolean |
| isOverdue |  | Int |
| Isdn |  | String |
| Lac |  | String |
| lastProcessTime |  | Datetime |
| lastShopId |  | Long |
| lastUser |  | String |
| latPosition |  | String |
| lockDate |  | DateTime |
| longPosition |  | String |
| myViettelAcc |  | String |
| networkType |  | String |
| Note |  | String |
| numContactCust |  | Int |
| objectId |  | Long |
| oneSerial |  | Boolean |
| otherOperator |  | Boolean |
| parentGroupId |  | Long |
| parentGroupName |  | String |
| parentProblemId |  | Long |
| preResult |  | String |
| Precinct |  | String |
| probAcceptTypeId |  | Long |
| probChannelCode |  | String |
| probChannelId |  | Long |
| probChannelName |  | String |
| probGroupId |  | Long |
| probGroupName |  | String |
| probPriorityId |  | String |
| probTypeId |  | Long |
| probTypeName |  | String |
| problemAttCode |  | String |
| problemContent |  | String |
| problemContentDuplicate |  | String |
| problemId |  | Long |
| problemLevelId |  | Long |
| processResultContent |  | String |
| processingNote |  | String |
| processingUser |  | String |
| Province |  | String |
| reCompNumber |  | Int |
| reasonNotPassQuantity |  | String |
| responsiblePartyId |  | Long |
| resultContent |  | String |
| resultId |  | Long |
| returnReason |  | String |
| returnReasonText |  | String |
| returnStatus |  | String |
| returnStatusUi |  | Boolean |
| satLevelId |  | Long |
| satisfiedLevelId |  | Long |
| Serial |  | String |
| shopAcceptId |  | Long |
| shopProcessId |  | Long |
| signalStrength |  | String |
| staffName |  | String |
| staffPhoneNumber |  | String |
| startProcessingDate |  | DateTime |
| Status |  | String |
| statusText |  | String |
| subId |  | Long |
| subProductId |  | Long |
| suspendTime |  | Double |
| telecomServiceId |  | String |
| uploadSpeed |  | String |
| userAccept |  | String |
| userOtherSystem |  | String |
| userProcess |  | String |

* **Luồng xử lý luồng sự kiện tương tác**
  + Bước 1 : VSmart gọi API truyền tham số request
  + Bước 2 : Từ danh sách trả về thực hiện đồng bộ trạng thái ticket (Status, statusText) về bảng GROUP\_TASK\_TICKET.STATE , GROUP\_TASK\_TICKET.STATE\_NAME theo TROUBLE\_ID
  + Bước 3 : Thực hiện trả dữ liệu về client hiển thị chi tiết ticket

##### **Phía VSMART**

##### **Bổ sung API GNOC TT gọi trả trạng thái ticket xử lý**

* Tên hàm : updateStateTicket
* Thông tin :

| **Tham số** | **ý nghĩa tham số** | **Kiểu dữ liệu** | **Bắt buộc** |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thông tin request:** |  |  |  |
| troubleId | Id ticket | Long | x |
| reason | Nguyên nhân | String |  |
| solution | giải pháp | String |  |
| state | trạng thái ticket | Long |  |
| stateName | Tên trạng thái ticket | String |  |
| userName | Họ và tên và số điện thoại người thực hiện ticket , formart : fullname(sđt) | String |  |
| **Thông tin response:** |  |  |  |
| responseCode | Mã lỗi. Nếu thành công = 0 | String |  |
| description | Mô tả thông báo | String |  |

* **Luồng xử lý luồng sự kiện tương tác**
  + Bước 1 : GNOC TT gọi API truyền tham số request
  + Bước 2 : Thực hiện cập nhật thông tin nguyên nhân, giải pháp, trạng thái, tên trạng thái lên bảng dữ liệu GROUP\_TASK\_TICKET theo id ticket
  + Bước 3 : Thực hiện sửa đổi nội dung tin nhắn 400 -> lưu thông tin bảng tin nhắn
    - Nội dung tin nhắn : “Đ/c {X} đã hoàn thành {mã ticket} . Đề nghị Đ/c truy cập vào {mã ticket} để kiểm tra nguyên nhân và giải pháp chi tiết.” -> với {X} là user hoàn thành ticket
  + Bước 4 : Trả mã lỗi và mô tả thông báo về cho phía GNOC TT : 0 thành công / 1 thất bại

#### Chức năng Tra cứu TT

**Đường dẫn vào màn hình: Tiện ích/ Tra cứu TT**

##### **Thiết kế giao diện**

|  | Tại màn hình Tra cứu TT:  -  Button tạo Trouble Ticket : Bổ sung cấu hình hiển thị button .  + Bảng cấu hình : cat\_config\_manager  + Giá trị cấu hình :  config\_managerment\_code = ENABLE\_CREATE\_TT . config\_managerment\_value = 1 hoặc 0 ( 1 ẩn , 0 hiện)  -Để hiển thị mặc định search là: TT tôi tạo khi vào màn hình Tra cứu TT/ Tra cứu nâng cao |
| --- | --- |
|  | Tiện ích -> Tra cứu TT -> Click button  -> Màn hình tạo trouble ticket   * Khai báo cấu hình : “Loại bỏ mảng sự cố” trên bảng cat\_config\_manager:   config\_managerment\_code = REMOVE\_TYPECODE\_TT . config\_managerment\_value = mảng giá trị type code cách nhau dấu “,”.   * Tại màn hình trường “Mảng sự cố” dữ liệu load lên bỏ các giá trị đã cấu hình bước trên |

##### **Mô tả nghiệp vụ**

N/A

# Điều kiện đảm bảo

# Điều kiện cần khách hàng đảm bảo

* <http://10.240.202.199:8100/GnocTTOutsideServices/TroublesServiceForVSmart>